BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 476 /BGTVT-VT	
V/v: Lấy ý kiến góp ý nội dung dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi (thay thế Thông tư liên tịch số 152/TTLT-BTC-BGTVT).	*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2020*

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THỪA THIÊN HUẾ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 383
Ngày 20 tháng 01 năm 2020

Kính gửi:

- Các Bộ: Tư Pháp, Tài chính;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Vụ thuộc Bộ GTVT;
- Thanh tra Bộ;
- Văn phòng Bộ;
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Hiệp hội Vận tải Ô tô Việt Nam;
- Hiệp hội taxi: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh;
- Tổng công ty Vận tải Hà Nội.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại điểm c mục 2 Thông báo số 259/TB-BCĐĐHG ngày 30/3/2018; Văn bản số 10477/VPCP-KTTH ngày 15/11/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng Thông tư dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi; Văn bản số 210/VPCP-KTTH ngày 09/01/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng Thông tư dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi, Bộ GTVT đã xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi (thay thế Thông tư liên tịch số 152/TTLT-BTC-BGTVT).

Để tiếp tục thực hiện nghiêm đúng theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá, Bộ GTVT đề nghị quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu và có ý kiến góp ý về các nội dung dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi.

Ý kiến góp ý bằng văn bản của Quý cơ quan đề nghị gửi về Bộ GTVT *(qua Vụ Vận tải; số fax: 043.9427331 hoặc 043.9423291 và gửi file theo địa chỉ vuvantai@mt.gov.vn)* **trước ngày 01/03/2020** để Bộ GTVT tổng hợp, hoàn thiện dự thảo và ban hành Thông tư.

Dự thảo Thông tư nêu trên được gửi kèm theo Công văn này; file mềm của Thông tư được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ GTVT *(địa chỉ đường link: http://mt.gov.vn/vn/Pages/DanhSachDuThaoVanBan.aspx)*; thông tin chi tiết xin liên hệ Đỗ Quốc Phong số ĐT 0912135693).

mong sớm nhận được ý kiến góp ý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục Quản lý giá;
- Trung tâm Công nghệ thông tin;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu VT, V.Tải (Phong 3b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2020/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

DỰ THẢO
Ngày
14.01.2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về kê khai giá cước, niêm yết giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước; doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan đến kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi.

Chương II
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 3. Danh mục, đối tượng kê khai giá cước.

1. Kê khai giá cước vận tải **hành khách** bằng xe ô tô (bao gồm kê khai lần đầu và kê khai lại) là việc doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải lập văn bản kê khai giá cước và gửi thông báo mức giá cước cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi định giá, điều chỉnh giá.

2. Danh mục dịch vụ thực hiện kê khai giá cước vận tải

a) Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;

b) Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định;

c) Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.

3. Đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Sở Giao thông vận tải tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải phải thực hiện kê khai giá cước trên địa bàn địa phương;

b) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giao thông vận tải tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải thực hiện kê khai giá cước trên địa bàn. Sở Giao thông vận tải đăng tải danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải thực hiện kê khai giá cước trên trang thông tin điện tử của Sở và thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải để thực hiện;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải thuộc diện kê khai giá cước gửi văn bản kê khai giá cước đến Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Điều 4. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá cước

1. Sở Giao thông vận tải là cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá cước của các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải có trụ sở chính hoặc chi nhánh hạch toán độc lập trên địa bàn tỉnh;

2. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải có trụ sở chính hoặc trụ sở Chi nhánh đặt tại hai đầu tuyến cố định đã thực hiện kê khai giá cước tại một đầu tuyến (tỉnh) nơi đơn vị được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thì không phải thực hiện kê khai giá cước với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến còn lại nhưng phải gửi cho cơ quan này 01 bản phô tô văn bản đã hoàn thành thủ tục kê khai giá cước của địa phương nơi thực hiện kê khai giá có dấu công văn đến theo quy định.

Điều 5. Thời điểm kê khai, kê khai lại giá cước

1. Thời điểm kê khai giá cước

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải thực hiện kê khai giá cước với Sở Giao thông vận tải ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước khi thực hiện theo giá cước kê khai;

Trường hợp kê khai điều chỉnh giảm giá cước: doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải được áp dụng mức giá cước kê khai giảm kể từ ngày thực hiện kê khai giảm; trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản kê khai giảm giá cước, nếu tỷ lệ giảm giá cước chưa phù hợp với yếu tố hình thành giá so với lần kê khai trước liền kề thì doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải phải tiếp tục giảm giá cước theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai.

b) Kê khai giá cước lần đầu được thực hiện khi doanh nghiệp, hợp tác xã bắt đầu tham gia kinh doanh hoặc lần đầu thực hiện kê khai giá cước theo quy định tại Thông tư này;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải thực hiện kê khai lại giá cước theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Kê khai lại giá cước

Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải phải thực hiện kê khai lại giá cước trong các trường hợp sau:

a) Khi đơn vị thực hiện định giá, điều chỉnh giá cước thuộc Danh mục dịch vụ thực hiện kê khai giá cước vận tải tăng hoặc giảm giá *cước* trên 10% so với mức giá cước đã kê khai liền kề trước do các yếu tố hình thành giá thay đổi.

Trường hợp tăng hoặc giảm giá cước trong phạm vi 10% so với mức đã kê khai liền kề trước đó, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải không phải thực hiện kê khai lại giá cước, nhưng phải gửi văn bản thông báo mức giá cước mới cho Sở Giao thông vận tải khi áp dụng giá cước mới. Mẫu văn bản thông báo giá theo quy định tại phụ lục 04 của Thông tư này;

Ví dụ: *Ngày 01/6/2017*, Doanh nghiệp A đã thực hiện kê khai giá với Sở Giao thông vận tải.

Đến ngày 01/01/2020, doanh nghiệp điều chỉnh tăng giá 5% so với mức giá đã kê khai *ngày 01/6/2017*, doanh nghiệp không phải thực hiện kê khai lại giá với Sở Giao thông vận tải, nhưng phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải khi áp dụng giá mới.

Đến ngày 01/8/2020, doanh nghiệp tiếp tục điều chỉnh tăng giá 10,5% so với mức giá đã kê khai *ngày 01/6/2017*, lần điều chỉnh này doanh nghiệp phải thực hiện kê khai lại giá cước với Sở Giao thông vận tải.

b) Khi doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi thay đổi khung cự ly tính giá cước.

Điều 6. Nội dung kê khai giá cước

1. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định: kê khai giá cước trên các tuyến vận tải hành khách cố định của doanh nghiệp, hợp tác xã (đồng/hành khách hoặc đồng/vé); giá cước vận chuyển hành lý vượt quá quy định (đồng/kg);

2. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định: kê khai giá cước (đồng/lượt hành khách), kê khai giá cước vé tháng áp dụng cho các đối tượng (đồng/vé/tháng) trên các tuyến vận tải xe buýt của doanh nghiệp, hợp tác xã;

3. Vận tải hành khách bằng xe taxi

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện kê khai theo hình thức tính giá cước của đơn vị;

b) Nội dung kê khai giá gồm: giá cước ki lô mét đầu (hoặc giá mở cửa), giá cước của từng cự ly hoặc ki lô mét tiếp theo (có thể áp dụng thời gian thấp điểm, cao điểm); giá cước theo chuyến; giá cước thời gian chờ đợi.

Trường hợp điều chỉnh giảm giá cước, doanh nghiệp, hợp tác xã phải giữ nguyên các khung cự ly tính giá cước như lần kê khai liền kề trước.

Điều 7. Quy trình tiếp nhận văn bản kê khai giá cước

1. **Quy trình tiếp nhận đ**ối với văn bản kê khai gửi trực tiếp

a) Trường hợp văn bản kê khai có đủ nội dung theo quy định, cán bộ tiếp nhận văn bản kê khai đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào văn bản và trả ngay 01 bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã đến nộp trực tiếp; đồng thời chuyển ngay 01 bản đến lãnh đạo cơ quan và các phòng, ban nghiệp vụ theo thẩm quyền trong ngày làm việc hoặc đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo để thực hiện rà soát;

b) Trường hợp văn bản kê khai không đủ nội dung theo quy định, cán bộ tiếp nhận ghi rõ lý do trả lại, các nội dung cần bổ sung và trả lại ngay văn bản kê khai cho doanh nghiệp, hợp tác xã đến nộp trực tiếp.

2. **Quy trình tiếp nhận đ**ối với văn bản kê khai gửi qua đường công văn hoặc fax hoặc thư điện tử

a) Khi nhận được văn bản kê khai, trường hợp văn bản kê khai có đủ nội dung theo quy định, cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào văn bản kê khai và chuyển ngay theo đường bưu điện 01 bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã; đồng thời, chuyển ngay 01 bản đến lãnh đạo cơ quan, phòng, ban nghiệp vụ theo thẩm quyền để thực hiện rà soát ngay trong ngày làm việc hoặc đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo;

b) Trường hợp văn bản kê khai không đủ nội dung theo quy định, tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan tiếp nhận thông báo qua đường công văn hoặc fax hoặc thư điện tử yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã nộp bổ sung đủ nội dung theo quy định. Ngày doanh nghiệp, hợp tác xã nộp văn bản kê khai đầy đủ nội dung theo quy định được tính là ngày tiếp nhận, cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm tiếp nhận vào văn bản kê khai.

3. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản kê khai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, nếu Sở Giao thông vận tải không có yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải giải trình về các nội dung của văn bản kê khai thì doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải được thực hiện theo mức giá cước kê khai.

Điều 8. Quy trình rà soát văn bản kê khai giá cước

1. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai rà soát các nội dung tại văn bản kê khai về: ngày thực hiện mức giá cước đăng ký, bảng đăng ký mức giá cước cụ thể, các khoản mục chi phí cấu thành giá cước, phần giải trình lý do điều chỉnh giá cước, kiểm tra tính hợp lý của các yếu tố hình thành giá cước;

2. Trường hợp tại phần giải trình lý do điều chỉnh giá cước, doanh nghiệp, hợp tác xã đưa ra các lý do không phù hợp, không liên quan đến việc tăng hoặc giảm giá cước thì tối đa không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, các phòng, ban nghiệp vụ báo cáo cấp có thẩm quyền thông báo bằng văn bản qua đường công văn hoặc fax hoặc thư điện tử yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã không được áp dụng mức giá đăng ký. Doanh nghiệp, hợp tác xã có trách nhiệm thực hiện yêu cầu này hoặc phải thực hiện lại nghĩa vụ đăng ký giá cước theo đúng quy định;

3. Trường hợp văn bản kê khai có nội dung chưa rõ hoặc cần phải giải trình về các yếu tố hình thành giá cước tăng hoặc giảm làm cho mức giá cước đăng ký tăng hoặc giảm (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) thì tối đa không quá 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản kê khai, các phòng, ban nghiệp vụ báo cáo cấp có thẩm quyền thông báo bằng văn bản qua đường công văn hoặc fax hoặc thư điện tử yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã giải trình về các nội dung tại văn bản kê khai chưa đáp ứng yêu cầu, lý do điều chỉnh giá cước chưa rõ ràng, nội dung phải thực hiện lại và thông báo thời hạn gửi bản giải trình cho cơ quan tiếp nhận. Bản giải trình được nộp theo quy trình tiếp nhận văn bản kê khai quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

a) Thời hạn để doanh nghiệp, hợp tác xã giải trình và gửi văn bản giải trình đến Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai tối đa không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông tiếp nhận thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã giải trình cho đến ngày Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai nhận văn bản giải trình của doanh nghiệp, hợp tác xã tính theo dấu công văn đến của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hoặc ngày gửi ghi trong thư điện tử của doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Thời hạn để Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai rà soát nội dung văn bản giải trình tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản giải trình tính theo dấu công văn đến của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận.

Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản giải trình, nếu cơ quan này không có văn bản yêu cầu giải trình lại thì doanh nghiệp, hợp tác xã điều chỉnh giá theo mức giá và thời gian điều chỉnh đã đề xuất trong văn bản giải trình (nếu có);

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã giải trình chưa đúng với yêu cầu của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản giải trình, cơ quan này có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã giải trình lại. Việc giải trình lại thực hiện theo quy trình của giải trình lần đầu quy định tại khoản này;

c) Sau 03 (ba) lần giải trình nhưng doanh nghiệp, hợp tác xã chưa đáp ứng yêu cầu, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai có văn bản yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện theo mức giá cước trước khi thực hiện đăng ký giá cước.

Điều 9. Niêm yết giá cước vận tải bằng xe ô tô

1. Niêm yết giá cước (giá vé) vận tải bằng xe ô tô là việc doanh nghiệp, hợp tác xã thông báo công khai bằng các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá cước (giá vé) bằng Đồng Việt Nam bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng hoặc bằng hình thức phù hợp tại quầy bán vé, ở trong xe và bên ngoài xe để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng. Ngoài việc công khai giá bằng hình thức niêm yết giá, doanh nghiệp, hợp tác xã phải công khai thông tin giá bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải phải thực hiện niêm yết giá theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định ký hợp đồng ủy thác cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe (hoặc đại lý bán vé) bán vé cho hành khách đi xe của đơn vị mình thì đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe (hoặc đại lý bán vé) phải thực hiện niêm yết giá vé tại bến xe (hoặc đại lý bán vé) và niêm yết tại quầy bán vé của tuyến do bến xe (hoặc đại lý bán vé) nhận ủy thác.

3. Trong các hình thức niêm yết giá cước quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định phải thực hiện hình thức niêm yết giá theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Đối với vận tải hành khách theo tuyến cố định: niêm yết tại quầy bán vé, ở trong xe và bên ngoài xe nơi hành khách dễ quan sát;

b) Đối với vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định: niêm yết ở mặt ngoài thành xe phía bên trái gần cánh cửa trước và bên trong xe nơi hành khách dễ quan sát;

c) Đối với vận tải hành khách bằng xe taxi: niêm yết ở mặt ngoài cánh cửa xe và ở trong xe, phía dưới vị trí gắn đồng hồ tính tiền. Trường hợp xe taxi sử dụng phần mềm tính tiền còn phải hiển thị thêm trên giao diện dành cho hành khách.

4. Giá cước niêm yết

a) Đối với giá cước do doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải quyết định: đơn vị thuộc đối tượng kê khai giá cước thì niêm yết theo mức giá cước đã kê khai; đơn vị không thuộc đối tượng kê khai giá cước thì thực hiện niêm yết giá theo mức giá do doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải quyết định bảo đảm nguyên tắc bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ;

b) Đối với giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô do Nhà nước quy định, doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải niêm yết đúng mức giá cước do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải không được thu tiền của hành khách cao hơn giá cước đã niêm yết.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: ban hành thông báo danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bằng xe ô tô phải thực hiện kê khai giá cước;

b) Chủ trì tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá cước; hướng dẫn và thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Định kỳ vào ngày 25 của tháng cuối quý hoặc trường hợp khi có biến động về giá cước vận tải tại địa phương, Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo tình hình biến động giá của các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải thuộc địa phương quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giao thông vận tải;

d) Công khai trên Cổng Thông tin điện tử danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện kê khai giá cước tại địa phương, mức giá cước kê khai, mức giá cước thông báo, thời điểm áp dụng mức giá cước kê khai liền kề trước và hiện tại của từng doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải

a) Chấp hành quy định về giá cước vận tải bằng xe ô tô tại Thông tư này, quy định của pháp luật về quản lý giá và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô; niêm yết giá cước theo quy định tại Thông tư này. Chịu trách nhiệm giải trình hoặc kê khai lại giá giá theo quy định;

c) Thực hiện cung cấp dịch vụ vận tải theo mức giá cước đã kê khai theo quy định của pháp luật, công bố công khai thông tin về giá cước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và sự phù hợp đối với các mức giá cước đã kê khai;

d) Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến mức giá cước đã kê khai, niêm yết và mức giá cước thực hiện cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;

đ) Trường hợp điều chỉnh tăng hoặc giảm giá cước trong phạm vi 10% so với mức đã kê khai liền kề trước đó thì doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận

tại phải niêm yết thông báo về việc điều chỉnh giá cước phía trong xe ở vị trí hành khách dễ quan sát, tại quầy bán vé (áp dụng đối với tuyến cố định) và phải thông báo về việc tăng hoặc giảm cho hành khách trước khi bán vé hoặc thu tiền;

e) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định gửi bản sao kê khai giá cước có dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận kê khai đến các đơn vị kinh doanh bến xe để phối hợp thực hiện công khai thông tin về giá cước tại bến xe trước khi thực hiện.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

2. Sở Giao thông vận tải tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của pháp luật về quản lý giá và tình hình thực tế tại địa phương chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng; Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

Nơi nhận:
- Như Điều 58;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, V.Tải (Phong 10b).

Phụ lục 1

MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số ..... /2020/TT-BGTVT ngày .... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số ...../..... V/v kê khai giá cước ...	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số ...../TT- BGTVT ngày ... tháng ... năm .... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi;

... *(tên đơn vị kinh doanh)* gửi Bảng kê khai mức giá cước và mẫu thông tin niêm yết giá cước (đính kèm).

Mức giá cước kê khai này thực hiện từ ngày ..../.... / .....

... *(tên đơn vị kinh doanh)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá cước mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

- Họ tên người nộp Bản kê khai mức giá cước:
- Số điện thoại liên lạc:
- Số fax:

GHI NHẬN CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ CƯỚC

(Kèm theo công văn số ……/…….. ngày …../……/…….. của …….)

1. Tên đơn vị thực hiện kê khai giá cước: .....
2. Trụ sở (nơi đơn vị đăng ký kinh doanh): .....
3. Giấy chứng nhận kinh doanh số … do … cấp ngày … tháng …năm ....
4. Nội dung kê khai theo từng loại hình vận tải, loại hình dịch vụ:

STT	Tên dịch vụ cung ứng	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới hoặc kê khai lại	% tăng hoặc giảm giá	Ghi chú

Ghi chú: Đơn vị có thể bổ sung các chỉ tiêu khác phù hợp với từng loại hình vận tải, dịch vụ như: điều kiện áp dụng các mức giá cước...

5. Chi tiết các yếu tố chi phí cấu thành giá cước ; phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá cước (nếu có).
.....
.....

6. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá; điều kiện áp dụng giá cước (nếu có).

7. Mức giá này thực hiện từ ngày…/…/… thay thế mức giá tại Văn bản Kê khai giá cước số…/… ngày …/…/….”.

Ghi chú: Mỗi loại hình kinh doanh vận tải, kinh doanh dịch vụ kê khai 01 bản riêng.

Phụ lục 2

MẪU THÔNG TIN NIÊM YẾT GIÁ CƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2020/TT-BGTVT ngày ....năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách theo tuyến cố định:

1.1. Bảng niêm yết tại nơi bán vé:

BẢNG GIÁ CƯỚC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH Bến xe khởi hành:.....		
Địa danh đến (Tỉnh, thành phố)	**Bến xe nơi đến**	**Giá cước** (đồng/HK)
.....		
.....		
Ghi chú: giá cước đã bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách		

1.2. Bảng niêm yết mặt ngoài thành xe:

GIÁ CƯỚC Tuyến đường: ..... Bến đi ....., Bến đến:.....
Giá cước 1 lượt: ..... đồng/ HK
Giá cước đã bao gồm thuế GTGT và Bảo hiểm hành khách

2. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách bằng xe buýt:

GIÁ CƯỚC Số hiệu tuyến:	
Giá cước 1 lượt:	..... ….đồng/ HK
Giá vé tháng:	..... …đồng/HK

Ghi chú: Giá cước đó bao gồm Bảo hiểm hành khách

3. Mẫu Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách bằng xe taxi:

Giá cước - Taxi Fare (Giá cước đã bao gồm thuế GTGT)
.....(đồng)/... (Đơn vị tính)
..... (đồng)/... (Đơn vị tính)
.....

Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách bằng xe taxi ở mặt ngoài cánh cửa xe có diện tích tối thiểu là 400 cm^2.

Bảng niêm yết giá cước vận tải hành khách bằng xe tuyến cố định và xe buýt ở mặt ngoài thành xe có kích thước tối thiểu là 250 cm^2

4. Ngoài những thông tin nêu trên, đơn vị niêm yết giá cước có thể bổ sung các thông tin cần thiết khác./.

Phụ lục 4

MẪU THÔNG BÁO ĐIỀU CHỈNH GIÁ CƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2020/TT-BGTVT ngày ....năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số...../.....	
V/v Thông báo điều chỉnh mức giá cước	*....., ngày....tháng....năm.....*

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số ..../2020/TT -BGTVT ngày ... tháng ...năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và xe taxi;

Căn cứ ... *(nêu rõ nguyên nhân, biến động của các yếu tố hình thành giá cước tác động làm tăng hoặc giảm giá)*, ... (*tên đơn vị kê khai giá cước*) thực hiện điều chỉnh tăng/giảm .... (*nêu rõ mức tăng/giảm, tỷ lệ tăng/giảm*) so với mức giá tại văn bản kê khai/thông báo số ... ngày.../.../.... Mức giá cước này thực hiện từ ngày .../.../....

(.... (*tên DN, HTX kê khai giá cước*) xin gửi bảng giá cước mới kèm theo)

... *(tên DN, HTX kê khai giá cước)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

Ghi chú: Mỗi loại hình kinh doanh vận tải, kinh doanh dịch vụ thông báo 01 bản riêng.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu:	

GHI NHẬN CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận Thông báo điều chỉnh giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo và đóng dấu công văn đến)